

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 303/2026/HC-PT
Ngày 31 tháng 3 năm 2026
V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính về
bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Mạnh Cường

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu Loan - Thư ký Tòa Phúc thẩm
Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố
Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Quốc H - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 497/2025/TLPT-HC ngày 19 tháng 12 năm 2025 về: “Khiếu kiện quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 448/2025/HC-ST ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 543/2026/QĐXX-PT ngày 16 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông LêBAT L, sinh năm 1965; địa chỉ cư trú: Số B N, phường R, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: A đường N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân

phường R, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Số A đường T, phường R, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của Người bị kiện: Ông Nguyễn Hữu N, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường R; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho N1 bị kiện: Bà Bạch Thị Hiệp V, chức vụ: Chuyên viên Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đào Thị Minh H1, sinh năm 1962; địa chỉ cư trú: A Khu đô thị C, phường R, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Số B N, phường R, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

- Người kháng cáo: Ông LêBAT L là Người khởi kiện trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Người khởi kiện là ông LêBAT L trình bày: Thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phường T, thành phố V, ngày 28/6/2024 Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số 5074/QĐ-UBND về việc thu hồi 119,5m² đất tại phường T do ông LêBAT L và bà Đào Thị Minh H1 đang sử dụng. Cùng ngày, Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số 5095/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông L, bà H1; theo đó, diện tích đất bồi thường là 119,5m² gồm: 42,2m² đất ở thuộc diện tích 108m² đất được giao theo Quyết định số 1070/QĐ-UB ngày 04/11/1992 và 77,3m² đất nông nghiệp ngoài diện tích được giao. Ông L cho rằng Quyết định số 5095/QĐ-UBND ngày 28/6/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố V đã làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình ông với lý do:

Về loại đất bồi thường: Gia đình ông L đang sử dụng diện tích khoảng 195m² có nguồn gốc do bà Đào Thị Minh H1 (là chị dâu của ông L) xin của Ủy ban nhân dân Phường I cũ, được Cơ quan Quản lý ruộng đất Đặc khu V1 cho phép sử dụng từ năm 1990, có nộp tiền sử dụng đất là 108.000 đồng. Để hợp thức hóa việc sử dụng đất, Ủy ban nhân dân tỉnh B đã ban hành Quyết định số 1070/QĐ-UB ngày 04/11/1992 giao 108m² đất cho bà Đào Thị Minh H1 làm nhà ở. Bản vẽ vị trí đất do Sở Thủy sản Nông nghiệp thiết lập thể hiện các lô đất được đánh số thứ tự từ lô A đến lô P, mỗi lô theo bản vẽ đều có kích thước 6m x 18m = 108m² (lô đất của bà H1 có ký hiệu P). Tuy nhiên trên thực tế, kích thước mỗi lô có diện tích khác nhau, có lô ngang hơn 8m, có lô 7,5m và cũng có lô hơn 6m. Diện tích đất thực tế của bà H1 có chiều ngang hơn 6m và chiều dài hơn 30m với tổng diện tích sử dụng khoảng 195m². Gia đình bà H1 xây dựng làm nhà ở từ năm 1991 và sử dụng đến năm 1996 thì chuyển nhượng lại toàn bộ

diện tích đất này cho ông L. Quá trình sử dụng, năm 1997 ông L có sửa chữa lại căn nhà cấp 4 của bà H1 và ở từ đó đến nay. Mặc dù chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đã được sử dụng ổn định liên tục từ trước ngày 15/10/1993. Do đó, việc Ủy ban nhân dân thành phố V chỉ phê duyệt bồi thường cho ông L diện tích 42,2m² theo giá đất ở, còn lại 77,3m² bồi thường theo giá đất nông nghiệp là không đúng pháp luật.

Vị trí thu hồi đất: Vị trí nhà đất bị thu hồi nằm trên mặt tiền hẻm S đường N có chiều rộng trên 5m và cách đường chính Nguyễn Hữu C chưa tới 100m. Theo cách xác định vị trí quy định tại Quyết định số 25/2022/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh B, đất thu hồi phải được xác định ở vị trí 2 của đường N nhưng theo Quyết định số 5095/QĐ-UBND lại xác định đất của ông thuộc vị trí 4 để tính tiền bồi thường là không phù hợp.

Về chính sách tái định cư: Do bị thu hồi gần như toàn bộ diện tích đất nên ông L yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố V phải giao cho ông L 02 suất tái định cư để ổn định cuộc sống.

Ông LêBAT L khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ số 5095/QĐ-UBND ngày 28/6/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố V; buộc Ủy ban nhân dân thành phố V thực hiện bồi thường diện tích 119,5m² theo đơn giá đất ở; áp giá bồi thường về đất theo vị trí 2 đường N; giao đất tái định cư theo quy định.

- Người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố V có Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường R trình bày:

Việc Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số 5095/QĐ-UBND ngày 28/6/2024 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông LêBAT L đã được thực hiện đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền quy định. Năm 1996, ông L nhận chuyển nhượng diện tích 108m² đất bằng giấy viết tay của bà Đào Thị Minh H1, không được cơ quan có thẩm quyền xác nhận. Trong tổng diện tích 119,5m² đất thì có 77,3m² ông L sử dụng vượt diện tích 108m² đất do Ủy ban nhân dân tỉnh B giao đất làm nhà ở cho bà Đào Thị Minh H1, thuộc quy hoạch mở đường Chí L1 (cũ). Vì vậy, ông L yêu cầu bồi thường toàn bộ diện tích 119,5m² là đất ở là không có căn cứ.

Ngày 14/12/2004, khi ban hành Quyết định số 13237/QĐ-UBND phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông, bà Đào Thị Minh H1 - LêBAT L để thực hiện dự án Nâng cấp đường C (nay là đường N), phường T, thì xác định vị trí thửa đất là “vị trí 4 đường C cũ”. Thửa đất chỉ có một cạnh tiếp giáp hẻm B đường N (đoạn còn lại là đường C cũ), không có lối ra thứ 2 đến đường chính nào khác; đến thời điểm Nhà nước thu hồi thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư phường T thì vị trí thửa đất không thay đổi. Do đó, ông L yêu cầu xác định vị trí thửa đất thu hồi theo vị trí 2 đường N là không có cơ sở. Đối với nội dung yêu cầu được tái định cư sẽ được Ủy ban nhân dân thành phố V xem xét, bổ sung theo quy định.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Tòa án xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông LêBAT L.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 448/2025/HC-ST ngày 27 tháng 8 năm 2025, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định (tóm tắt): *Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông LêBAT L.*

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 09 tháng 9 năm 2025, ông LêBAT L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- *Tại phiên tòa phúc thẩm:* Ông LêBAT L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện về việc hủy các quyết định hành chính nêu trên, đồng thời buộc Ủy ban nhân dân phường R thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định pháp luật.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông LêBAT L trình bày quan điểm:*

Theo quyết định giao đất cho bà Đào Thị Minh H1, mặc dù chỉ thể hiện diện tích là 108m² nhưng thực tế gia đình ông L sử dụng gần 195m² có tứ cận, ranh giới rõ ràng, không lấn chiếm đất, thuộc hạn mức đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh B là 230m²/hộ gia đình, cá nhân. Vì vậy, ông L phải được bồi thường toàn bộ là đất ở, nhưng Ủy ban nhân dân thành phố V chỉ phê duyệt bồi thường cho ông L 42,2m² theo giá đất ở, còn lại 77,3m² bồi thường theo giá đất nông nghiệp là không phù hợp.

Bên cạnh đó, vị trí nhà đất của gia đình ông L bị thu hồi nằm mặt tiền hẻm S đường N có chiều rộng trên 5m và cách đường N chưa tới 100m. Theo Quyết định số 25/2022/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh B, vị trí đất của ông L phải được xác định là vị trí 2 của đường N. Quyết định số 5095/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố V xác định đất của ông L thuộc vị trí 4 để tính tiền bồi thường là không chính xác.

Ngoài ra, hiện nay toàn bộ diện tích đất của gia đình ông L đã bị thu hồi, ông L cũng không có đất ở trên địa bàn Vũng Tàu nên thuộc trường hợp được tái định cư theo Luật Đất đai năm 2013. Ủy ban nhân dân thành phố V không tái định cư cho ông L là chưa đảm bảo về chỗ ở ổn định cho gia đình ông L.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông L, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, hủy quyết định hành chính nêu trên và buộc N1 bị kiện thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định pháp luật.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho N1 bị kiện trình bày quan điểm:

Về yêu cầu khởi kiện của ông LêBAT L đề nghị được bồi thường toàn bộ 119,5m² đất theo giá đất ở và vị trí đất thu hồi: Bảo lưu ý kiến đã trình bày tại phiên tòa sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông L. Đối với yêu cầu được nhận suất tái định cư: Hiện tại gia đình ông L thuộc trường hợp giải tỏa trắng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Từ những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ số 5095/QĐ-UBND ngày 28/6/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố V đã được ban hành đúng quy định nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông LêBAT L. Tuy nhiên, hiện tại gia đình ông L đã bị giải tỏa trắng nên việc tái định cư cho ông L là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định pháp luật để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông LêBAT L nộp trong hạn luật định, đúng quy định pháp luật nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người tham gia tố tụng được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt hoặc vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ vào Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[3] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định và thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

[4] Xét kháng cáo của ông LêBAT L như sau:

[4.1] Thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phường T, thành phố V, ngày 28/6/2024 Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số 5074/QĐ-UBND về việc thu hồi 119,5m² đất tại phường T do ông LêBAT L và

bà Đào Thị Minh H1 đang sử dụng. Cùng ngày, Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số 5095/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông L, bà H1; theo đó, diện tích đất bồi thường là 119,5m² gồm: 42,2m² đất ở thuộc diện tích 108m² đất được giao theo Quyết định số 1070/QĐ-UB ngày 04/11/1992 và 77,3m² đất nông nghiệp ngoài diện tích được giao. Ông L cho rằng việc Ủy ban nhân dân thành phố V không bồi thường toàn bộ diện tích đất thu hồi theo giá đất ở là không đúng nên khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ số 5095/QĐ-UBND ngày 28/6/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố V; buộc Ủy ban nhân dân thành phố V thực hiện bồi thường đối với diện tích 119,5m² theo đơn giá đất ở; áp giá bồi thường về đất theo vị trí 2 đường N; giao đất tái định cư theo quy định.

[4.2] Theo hồ sơ vụ án, diện tích đất ông L sử dụng là 184,6m²; phần diện tích đất bị thu hồi là 119,5m²; diện tích còn lại là 65,8m² nhưng hiện nay đã bị thu hồi toàn bộ. Nguồn gốc đất do Ủy ban nhân dân Phường I cũ đăng ký sử dụng, thuộc thửa 158, tờ bản đồ số 2 cũ trong sổ mục kê năm 1990. Ngày 04/9/1992, Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 1070/QĐ-UB về việc giao 108m² đất tại đường C, Phường I cho bà Đào Thị Minh H1 sử dụng làm đất ở, có sơ đồ vị trí và kích thước thửa đất được Ban Quản lý đất đai tỉnh B xác nhận ngày 28/9/1992. Sau đó, đến năm 1996 thì bà H1 chuyển nhượng lại cho ông L bằng giấy viết tay.

[4.3] Xét, việc chuyển nhượng đất bằng giấy viết tay giữa bà Đào Thị Minh H1 và ông Lê Bất L không được cơ quan có thẩm quyền xác nhận; diện tích đất các bên thỏa thuận trong giấy chuyển nhượng là 108m². Như vậy, trong tổng diện tích 119,5m² đất thu hồi thì có 77,3m² ông L sử dụng vượt diện tích 108m² đất mà Ủy ban nhân dân tỉnh B đã giao cho bà H1, thuộc quy hoạch mở đường Chí L1 (cũ) theo Sơ đồ vị trí do Ban Q xác nhận ngày 28/9/1992. Vì vậy, Ủy ban nhân dân thành phố V phê duyệt phương án bồi thường diện tích 42,2m² đất ở và 77,3m² đất nông nghiệp cho ông L là đúng quy định tại các điều 75, 79 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Việc ông L yêu cầu bồi thường toàn bộ diện tích 119,5m² là đất ở là không có căn cứ.

[4.4] Ngày 14/12/2004, khi Ủy ban nhân dân tỉnh V ban hành Quyết định số 13237/QĐ-UBND phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông, bà Đào Thị Minh H1 - Lê Bất L để thực hiện dự án Nâng cấp đường C (nay là đường N), phường T, thì xác định vị trí thửa đất là “vị trí 4 đường C cũ”. Thửa đất chỉ có một cạnh tiếp giáp hẻm B đường N (đoạn còn lại là đường C cũ), không có lối ra thứ 2 đến đường chính nào khác; đến thời điểm Nhà nước thu hồi thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư phường T thì vị trí thửa đất không thay đổi. Do đó, ông L yêu cầu xác định vị trí thửa đất thu hồi theo vị trí 2 đường N cũng là không có cơ sở.

[4.5] Về yêu cầu được giao nền đất tái định cư: Theo Văn bản xác nhận số 1410/UBND-ĐC ngày 30/8/2023 của Ủy ban nhân dân phường T thì trường hợp hộ gia đình ông L thuộc diện giải tỏa hết nhà đất và không có nhà ở, đất ở nào khác trên địa bàn thành phố V. Tại phiên tòa phúc thẩm, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của N1 bị kiện xác định hiện nay dự án đường N giai đoạn 2 đã triển khai và gia đình ông L đã bị giải tỏa trắng, đất bị thu hồi toàn bộ. Vì vậy, trường hợp này hộ ông LêBAT L đã đủ điều kiện để được tái định cư. Việc Ủy ban nhân dân thành phố V chưa xem xét chính sách tái định cư cho gia đình ông L là không đảm bảo ổn định về chỗ ở cho gia đình của ông L. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L về nội dung này và sửa một phần bản án sơ thẩm.

[4.6] Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông LêBAT L, hủy một phần Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ số 5095/QĐ- UBND ngày 28/6/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố V về phần tái định cư đối với ông LêBAT L; buộc Ủy ban nhân dân phường R thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định pháp luật.

[5] Quan điểm đề nghị của Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Án phí hành chính phúc thẩm: Ông LêBAT L không phải chịu

[7] Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm số 448/2025/HC-ST ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông LêBAT L; sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 448/2025/HC-ST ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Áp dụng: Luật Đất đai năm 2013 và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông LêBAT L.

1.1. Hủy mục G khoản 1 Điều 1 của Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ số 5095/QĐ-UBND ngày 28/6/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu về phần: Tái định cư;

1.2. Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường R, Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo phần Nhận định của bản án phúc thẩm.

2. Về án phí:

2.1. Án phí hành chính sơ thẩm: Ông LêBAT L được miễn. Hoàn trả lại cho ông L số tiền 300.000 đồng đã tạm ứng theo Biên lai thu số 0000634 ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

2.2. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông LêBAT L không phải chịu.

- Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm số 448/2025/HC-ST ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Vụ Pháp chế và Quản lý Khoa học;
- Viện CT & KSXXPT tại TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA - NTCL

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Mạnh Cường